

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 07/PHEVA/2025



I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH MTV BÁNH KẸO PHEVA

Địa chỉ: Lô số 2, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, Phường Điện Ngọc, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Điện thoại: 0906 545 260

E-mail: info@phevaworld.com

Mã số doanh nghiệp: 4001137910

Số giấy chứng nhận ISO 22000:2018 : 9199293433433 - FSMS. Ngày chứng nhận: 15/05/2024.

Ngày hết hạn: 14/05/2027. Nơi cấp: Công ty cổ phần chứng nhận và giám định quốc tế ISOCERT.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Sôcôla sữa nhân hạt điều

2. Thành phần: Hạt điều, Đường, Bơ cacao, Sữa bột, Cacao nhão, Muối, Chất nhũ hoá (322(i)), Hương vani tự nhiên.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 45 ngày kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh 64g hoặc tùy theo yêu cầu khách hàng
- Sản phẩm được bao gói bằng PE,PP. Sau đó được bao gói trong hộp giấy.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Công ty TNHH MTV Bánh Kẹo Pheva đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin B1	µg/kg	5
2	Aflatoxin B1B2G1G2	µg/kg	15

- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Chì (Pb)	mg/kg	2,0
2	Arsen (As)	mg/kg	1,0
3	Cadimi (Cd)	mg/kg	1,0
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

- Quyết định 46/2007/QĐ-BYT: Quy định về giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm cho các chỉ tiêu vi sinh vật :

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	50.000
2	Tổng số bào tử nấm men - nấm	CFU/g	500
3	Coliforms	CFU/g	10
4	E. Coli	CFU/g	Không có
5	Staphylococcus aureus	CFU/g	Không có
6	Clostridium perfringens	CFU/g	Không có
7	Bacillus cereus	CFU/g	Không có
8	Salmonella	CFU/25g	Không có

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Quảng Nam, ngày 29 tháng 05 năm 2025

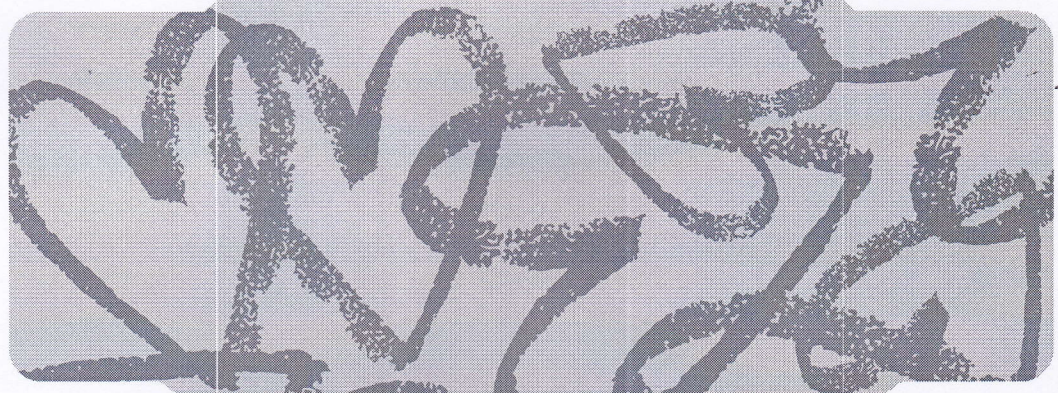
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
NGUYỄN CỬU NAM PHƯƠNG

Technical drawing of a chocolate bar wrapper. The drawing shows a rectangular wrapper with a central panel featuring a dark, textured background with a white, stylized script logo that reads "Dove". Above the logo, the word "CHOCOLATE" is printed in a white, sans-serif font. The wrapper has a white border. Dimensions are indicated by arrows and text: the top width is 63.0 mm, the bottom width is 63.0 mm, and the height is 98.0 mm. A small, red, circular stamp is visible in the top left corner of the wrapper.



THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION INFORMATION)	
Trên 64 g (Per 64 g)	376 Kcal
Năng lượng (Energy)	
Chất đạm (Protein)	8.4 g
Carbohydrate (Carbohydrate)	70.6 g
Đường tổng (Total sugars)	15.4 g
Chất béo (Fat)	29.2 g
Natri (Sodium)	36.7 mg

SỎA SÀO XÁ NHÂN HẠT ĐIỀU
CHAI NHỮNG CHOCOLATE HEARTS
THÀNH PHẦN: Hạt điều, Đường, Bơ cacao, Sữa tươi, Cacao nhai mịn, Chất nhũ hóa (32% l), Hương vanillin, Muối.

INGREDIENTS: Cashews, Sugar, Cocoa butter, Vanilla, Milk powder, Cocoa nibs, Emulsifier (32%), Salt, Vanillin flavoring.

TỔNG TÍNH CHẤT NUTRIENT: Không chứa ngũ cốc, không có gluten, không có đậu nành, không có hạt đậu, Sữa phẩm có thể chứa vết của các loại hạt.

ALLERGY INFORMATION: contains soy (*from emulsifier*), milk and cashews. They contain traces of tree nuts.

Bao gói nhỏ hơn và thanh mát.
 Store in dry and cool area.

**HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG: Ăn trực tiếp.
KHỐI LƯỢNG TÍNH: 84g
NET WEIGHT: 84 g**

ALLERGEN INFORMATION: contains soy (from emulsifier), milk and cashews. May contain traces of tree nuts.

Bảo quản nơi khô ráo và thoáng mát.
Store in a dry and cool area.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG: ăn trực tiếp.
KHỐI LƯỢNG TÍNH: 64 g
NET WEIGHT: 64 g





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2

Địa chỉ: 02 Ngô Quyền, quận Sơn Trà & 97 Lý Thái Tổ, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: (0236) 3848376; Fax: (0236) 3910064
Email: info@quatest2.gov.vn - Website: quatest2.gov.vn



Số: 209.2-K2 /1158/KT2-HC2

Ngày: 24/3/2025

Trang: 1/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: **SÔCÔLA SỮA NHÂN HẠT ĐIỀU**
- Ký hiệu mẫu: **/**
- Số lượng mẫu: **01**
- Tình trạng mẫu: **Mẫu gồm 38 viên, khoảng 300 g, được chứa trong túi nilon zip**
- Khách hàng: **CÔNG TY TNHH MTV BÁNH KẸO PHEVA**
- Địa chỉ: **Lô số 2, Đường số 3, KCN Điện Nam – Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam**
- Ngày nhận mẫu: **10/3/2025**
- Ngày thử nghiệm: **từ ngày: 10/3/2025 đến ngày: 24/3/2025**
- Kết quả thử nghiệm:

TT	TÊN CHỈ TIÊU, ĐƠN VỊ TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
1	Hàm lượng Protein g/100g	KT2.QT.CH-057	13,2
2	Hàm lượng Carbohydrate ^(*) g/100g	KT2.QT.CH-060 ⁽ⁿ⁾	30,7
3	Hàm lượng chất béo g/100g	KT2.QT.CH-058	45,7
4	Năng lượng ^(**) Kcal/100g	KT2.QT.CH-046 ⁽ⁿ⁾	587
5	Hàm lượng Đường tổng (tính theo Glucose) g/100g	KT2.QT.CH-055	24,0
6	Hàm lượng Na mg/100g	AOAC 969.23	57,3
7	Hàm lượng Pb mg/kg	AOAC 999.11	< 0,05 (MQL)
8	Hàm lượng Cd mg/kg	AOAC 999.11	< 0,05 (MQL)
9	Hàm lượng As mg/kg	AOAC 986.15	< 0,05 (MQL)
10	Hàm lượng Hg mg/kg	AOAC 971.21	< 0,05 (MQL)





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2

Địa chỉ: 02 Ngô Quyền, quận Sơn Trà & 97 Lý Thái Tổ, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: (0236) 3848376; Fax: (0236) 3910064
Email: info@quatest2.gov.vn - Website: quatest2.gov.vn



Số: 209.2-K2 /1158/KT2-HC2

Ngày: 24/3/2025

Trang: 2/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	TÊN CHỈ TIÊU, ĐƠN VỊ TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
11	Hàm lượng Aflatoxin B1 $\mu\text{g/kg}$	AOAC 991.31	KPH (MDL = 0,5)
12	Hàm lượng Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2) $\mu\text{g/kg}$	AOAC 991.31	KPH (MDL = 1,0)
13	Tổng số vi sinh vật hiếu khí CFU/g	TCVN 4884-1:2015	$3,7 \times 10^3$
14	Coliform CFU/g	TCVN 6848:2007	KPH (< 10)
15	E.coli CFU/g	TCVN 7924-2:2008	KPH (< 10)
16	Bacillus cereus giả định CFU/g	TCVN 4992:2005	KPH (< 10)
17	Staphylococci có phản ứng dương tính với Coagulase (S.aureus và các loài khác) CFU/g	ISO 6888-1:2021	KPH (< 10)
18	Clostridium perfringens CFU/g	TCVN 4991:2005	KPH (< 10)
19	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc CFU/g	TCVN 8275-2:2010	KPH (< 10)
20	Salmonella spp. -	TCVN 10780-1:2017	Âm tính/ 25 g

Ghi chú:

- (*): Hàm lượng Carbohydrat không bao gồm chất xơ;
- (**): Chỉ tiêu Năng lượng được sử dụng kết quả Carbohydrat không bao gồm chất xơ;
- KPH: Không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- (n): Phép thử chưa được công nhận Vilas;
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi đến;
- Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên khách hàng và địa chỉ được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 2;
- Trung tâm Kỹ thuật 2 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT 2
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG, PHỤ TRÁCH**

Võ Thị Bích Thủy

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Ngô Thị Như Loan

